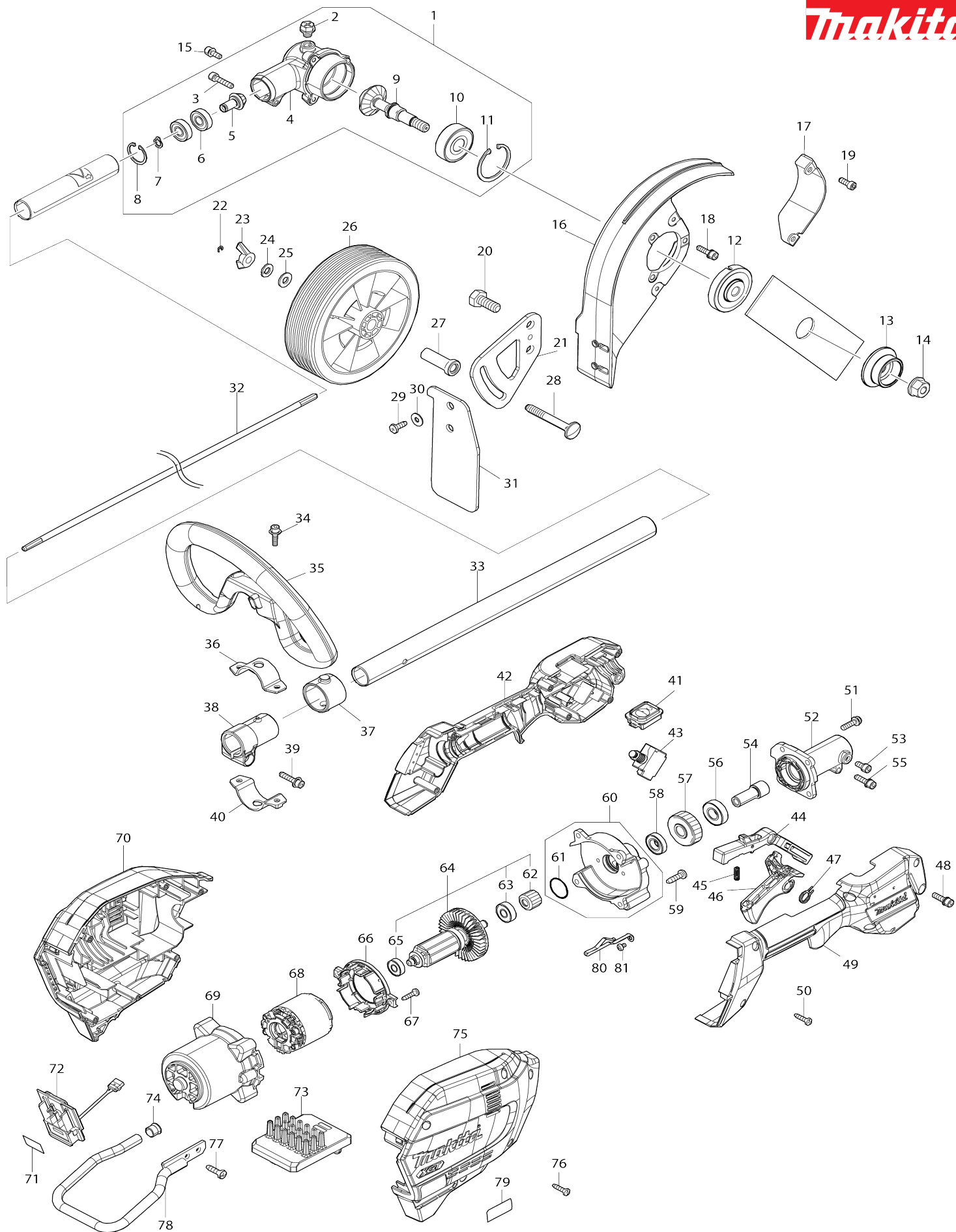




Model No.UE001G CORDLESS EDGER

Bản vẽ	Mã Phụ tùng	Mô tả	Tương ứng với	Số lượng	Cũ/ Mới	Ghi chú 1	Ghi chú 2
001	126414-6	Cụm hộp số		1			
001		INC. 2-11					
002	265590-2	Bu-lông đầu lục giác M8X10 R		1			
003	922241-7	Bu-lông đầu lỗ lục giác M5X25 W		1			
004	319102-4	Hộp số		1			
005	227629-9	Nhông côn xoắn 14		1			
006	210049-4	Bạc đạn 609ZZ		2			
007	961005-4	Vòng giữ (ext) S-9		1			
008	962103-7	Vòng giữ (int) R-24		1			
009	126415-4	Cụm trục máy cắt		1			
010	211231-8	Bạc đạn 6302DDW		1			
011	962201-7	Vòng giữ (int) R-42		1			
012	326734-0	Long đen chặn		1			
013	326381-7	Kẹp		1			
014	264025-0	Đai ốc lục giác M10-17		1			
015	922218-2	Bu-lông đầu lỗ lục giác M5X14 W R		1			
016	319103-2	Hộp giấy		1			
017	346759-8	Tấm chắn bảo vệ		1			
018	922233-6	Bu-lông đầu lỗ lục giác M5X20 W R		3			
019	266874-1	Bu-lông đầu lỗ lục giác M5X14		2			
020	921542-0	Bu-lông đầu lục giác M10X25		2			
021	346758-0	Đệm mạ		1			
022	234355-3	Vòng canh búa 5		1			
023	934401-9	Đai ốc tai vặn M8		1			
024	942201-3	Long đèn que 8		1			
025	941201-0	Long đèn đệm phẳng 8		1			
026	454843-6	Vành bánh xe		1			
027	257821-3	Chụp giữ mũi 8		1			
028	266937-3	Ốc chống xoay đầu tròn M8X64		1			
029	266027-2	Vít tự cắt ren đầu siết 5X16		2			
030	253804-1	Long đèn đệm phẳng 6		2			
031	424615-3	Miếng che bảo vệ		1			
032	327056-1	Trục		1			
033	1410L1-4	SHAFT PIPE COMPLETE		1			
C10	819312-8	Nhãn logo makita		1			
C20	8079M1-2	CAUTION LABEL		1			
034	922234-4	Bu-lông đầu lỗ lục giác M5X20 W G		2			
035	457267-5	Tay cầm vòng cung		1			
C10	263005-3	Chốt cao su 6		1			
036	347113-9	Bàn kẹp trên 35		1			
037	424942-8	Xốp lọc bụi		1			
038	457269-1	Giá đỡ ống 24		1			
039	922244-1	Bu-lông đầu lỗ lục giác M5X25 W G		1			
040	347114-7	Bàn kẹp dưới 35		1			
041	140X08-7	Bộ mạch công tắc		1			

C10	810D46-0	Nhân công tắc		1			
042	1830W8-1	GRIP SET		1			
042		INC. 49					
043	651492-2	Công tắc C3JR-1A-PAXD3		1			
044	141X89-4	LOCK OFF LEVER COMPLETE		1			
045	233101-1	Lò xo nển 4		1			
046	459758-2	Thanh gạt công tắc		1			
047	233622-3	Lò xo xoắn 12		1			
048	922233-6	Bu-lông đầu lổ lục giác M5X20 W R		1			
049	1830W8-1	GRIP SET		1			
049		INC. 42					
050	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		6			
051	911233-1	Vít đầu dùi M5X20 WR		4			
052	140Y38-4	Giá đỡ ống hoàn chỉnh		1			
C10	263002-9	Chốt cao su 4		1			
053	922211-6	Bu-lông đầu lổ lục giác M5X12 W		1			
054	325811-5	Trục nối dài đầu mang ranh		1			
055	922233-6	Bu-lông đầu lổ lục giác M5X20 W R		1			
056	211131-2	Bạc đạn 6001DDW		1			
057	227848-7	Nhông xoắn 33		1			
058	211150-8	Bạc đạn 6901ZZ		1			
059	266420-0	Vít tự cắt ren đầu siết 5X20		4			
060	136368-9	Cụm hộp bánh răng		1			
060		INC. 61					
061	213961-7	Vòng đệm-o 22		1			
062	227834-8	Nhông xoắn 16		1			
063	210005-4	Bạc đạn 608DDW		1			
064	519647-4	Bộ rôto		1			
064		INC. 62,63,65					
065	210062-2	Bạc đạn 607ZZ		1			
066	459764-7	Tấm chắn gió		1			
067	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		2			
068	629A25-7	Stato		1			
069	412961-6	Vỏ động cơ		1			
070	183S87-2	Bộ vỏ ngoài		1			
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2			
070		INC. 75					
071	8147E0-9	UE001G SERIAL NO. LABEL		1			
072	632P49-4	Bộ thiết bị đầu cuối		1			
073	620P54-3	CONTROLLER		1			
074	422230-7	Nắp		1			
075	183S87-2	Bộ vỏ ngoài		1			
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2			
075		INC. 70					
076	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		6			
077	266420-0	Vít tự cắt ren đầu siết 5X20		2			
078	347752-5	Bộ phần bảo vệ pin		1			
079	8145Y3-1	UE001G NAME PLATE		1			
A01	422A15-7	CAP 24		1			
A02	424434-7	Nắp 24		1			

A03	196745-7	Bộ lưới cắt cành		1			
A04	782238-6	Lục giác trên 17		1			
A05	783202-0	Cờ lê lục giác 4		1			
A06	831304-7	Túi đựng phụ kiện		1			
F01	196745-7	Bộ lưới cắt cành		1			